

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀU TƯ THIẾT BỊ VÀ  
XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀ BƯỚC KIỂM TOÁN**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÓC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009



Nam Định - Tháng 7 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÀU TƯ THUẾ BỘ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIỀN TRƯỜNG**  
Lô 35 Đường H2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

**MỤC LỤC**

| <b>NỘI DUNG</b>                      | <b>TRANG</b> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 1            |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN                    | 2            |
| BẢNG CÂN ĐỒ KẾ TOÁN                  | 3 - 4        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỔ           | 6            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 7 - 17       |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP BIỆN THIỀN TRƯỜNG  
Lô 35 Đường K2, Cụm Công nghiệp An Khê  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Biện Thiên Trường (gọi tắt là "Công ty") đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài sản này. Họ ký Báo cáo này như:

Hội đồng Quản trị

|                    |            |
|--------------------|------------|
| Ông Hoàng Hữu Tuấn | Chủ tịch   |
| Ông Mai Vũ Thạch   | Thành viên |
| Ông Vũ Quốc Trí    | Thành viên |

Ban Giám đốc

|                    |              |
|--------------------|--------------|
| Ông Hoàng Hữu Tuấn | Giám đốc     |
| Ông Mai Vũ Thạch   | Phó Giám đốc |
| Ông Vũ Quốc Trí    | Phó Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ tháng 3 đến tháng 12, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lập báo cáo tài chính hợp lý áp dụng các chính sách kế toán cách nhất quán;
- Đưa ra các số liệu và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trả trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số liệu kế toán được ghi chép một cách phù hợp và phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị cho Ban Giám đốc,



Mai Vũ Thạch  
Giám đốc  
Nam Định, ngày 6 tháng 3 năm 2010



## CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính:  
P. 1001, Tầng 15, Toà nhà KTT-1  
Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội  
Tel: (04) 6 2511 666  
Fax: (04) 6 2511 666  
E-mail: acagroup@vietnam  
www.acagroup.com.vn

Số: NOBCKT 2010 - 2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thủ Đức

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tổng Cát số tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo Không nhằm phân tích tình hình tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước thuộc khối ASEAN Việt Nam.

#### Trich nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Mục đích trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và trang 3 đến trang 17. Trich nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cách thức kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, xác minh và xác định các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và xem xét tính quan trọng của Báo cáo tài chính như đánh giá về việc trích lập các phòng ngừa Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Hùng Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1104/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
Thành viên Kreston International  
Hà Nội, Ngày 07 tháng 01 năm 2010

Chu Quang Tùng  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂU TƯ THUẾT BỊ VÀ XÂY LẮP SƠN TRƯỜNG  
 Số 33 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
 Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CĂM BỐ XẾ TOÁN  
 Tính ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU BẢN ĐỒ  
 Đơn vị: VNĐ

| TÀI SẢN   | Mã số | Thayết minh | 31/12/2009     | 31/12/2008     |
|---|-------|-------------|----------------|----------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGÀN HẠN</b><br><b>(100+130+130+130+130+130)</b>  | 100   |             | 21.374.696.337 | 17.201.106.103 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền                           | 110   | 4.1         | 607.469.557    | 1.071.385.811  |
| 1. Tiền   | 111   |             | 607.469.557    | 1.071.385.811  |
| II. Các khoản đầu tư có thời hạn ngắn hạn                       | 130   |             | -              | -              |
| III. Phí thu ngắn hạn   | 130   |             | 16.335.711.279 | 4.399.274.569  |
| 1. Phí thu khách hàng   | 131   |             | 19.373.431.049 | 4.399.274.569  |
| 2. Trả trước cho người bán                                      | 132   |             | 366.210.321    | -              |
| IV. Hàng tồn kho  | 140   |             | 16.003.000.424 | 11.729.945.804 |
| 1. Hàng tồn kho   | 141   | 4.2         | 16.003.000.424 | 11.729.945.804 |
| V. TTM tài ngắn hạn khác  | 150   |             | 424.480.984    | -              |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                                   | 151   |             | 103.479.903    | -              |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác  | 158   |             | 320.004.283    | -              |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b><br><b>(200 + 210+210+240+250+240)</b> | 200   |             | 4.350.346.513  | 3.099.489.000  |
| I. Các khoản phải thu dài hạn                                   | 210   |             | -              | -              |
| II. Tài sản cố định   | 220   |             | 4.350.346.513  | 3.099.489.000  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                     | 221   | 4.3         | 2.547.342.154  | 1.309.681.605  |
| - Nguyên giá  | 222   |             | 2.933.810.229  | 2.092.834.991  |
| - Giá trị hao mònetry ki  | 223   |             | (406.518.075)  | (223.753.386)  |
| 2. Tài sản cố định vô hình                                      | 227   | 4.4         | 113.430.253    | 119.871.900    |
| - Nguyên giá  | 228   |             | 125.252.000    | 121.232.000    |
| - Giá trị hao mònetry ki  | 229   |             | (11.801.747)   | (3.380.940)    |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản đã dùng                              | 230   | 4.5         | 2.189.494.106  | 1.101.533.436  |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100 + 200)</b>                            | 270   |             | 25.724.042.850 | 20.291.695.103 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP DỰNG THIỀN TRƯỜNG

Lô 35 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÁCH SƠI KẾ TOÁN (tập trung)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B M-01  
Đơn vị: VNĐ

| NGUỒN VỐN                                | Mã số      | Thay đổi<br>mình | 31/12/2009            | 31/12/2008            |
|--|------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
| A. NGHỊ PHÁT TRÃI (300+310+330)          | 300        |                  | 14.994.314.487        | 12.128.831.936        |
| I. Ngay ngắn hạn                         | 310        |                  | 13.990.029.313        | 12.122.764.395        |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                    | 311        | 4.6              | 3.730.000.000         | 4.200.000.000         |
| 2. Phí trả người bán                     | 312        |                  | 9.801.161.354         | 12.935.443.619        |
| 3. Người mua trả chậm trước              | 313        |                  | 160.415.000           | 643.371.000           |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước   | 314        | 4.7              | 1.011.472.448         | 750.691.713           |
| 6. Chi phí phát triển                    | 316        |                  | -                     | 2.071.233             |
| II. Ngay dài hạn                         | 330        |                  | 811.178.345           | 6.047.356             |
| 4. Vay và nợ dài hạn                     | 334        | 4.8              | 800.000.000           | -                     |
| 6. Dự phòng trù cắp mất việc làm         | 336        |                  | 11.173.345            | 6.047.356             |
| B. NGUỒN VỐN (400+410+430)               | 400        |                  | 12.322.700.163        | 2.163.743.131         |
| I. Người mua trả chậm                    | 410        | 4.9              | 12.322.700.163        | 2.163.743.131         |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu             | 411        |                  | 12.000.000.000        | 2.100.000.000         |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối             | 420        | 4.10             | 222.700.163           | 63.701.231            |
| II. Người kinh doanh và quỹ khác         | 430        |                  | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400+300+430)</b> | <b>440</b> |                  | <b>26.736.814.686</b> | <b>20.392.595.186</b> |



Hoàng Văn Thạch  
Giám đốc  
Nam Định, ngày 6 tháng 7 năm 2010

*Jin*

Trần Thị Hồng Miền  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
 Số 53 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
 Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số 04/2007  
 Đơn vị: VNĐ

| CÓI TIÊU  | Mã số | Tin tức<br>minh | Năm 2009       | Năm 2008       |
|---|-------|-----------------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 01    | 4.1.1           | 31.097.155.000 | 32.515.046.300 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu   | 02    |                 | -              | -              |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02)                 | 10    |                 | 31.097.155.000 | 32.515.046.300 |
| 4. Giá bán hàng bao   | 11    | 4.1.2           | 34.816.787.445 | 31.251.531.000 |
| 5. Lợi nhuận gross về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 11 - 01)                 | 20    |                 | 1.200.348.635  | 1.173.547.279  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính  | 21    | 4.1.3           | 29.403.135     | 7.982.942      |
| 7. Chi phí tài chính  | 22    | 4.1.4           | 258.574.721    | 422.671.466    |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay   | 23    |                 | 232.070.420    | 409.232.859    |
| - Chi phí bán hàng  | 24    |                 | -              | 151.934.226    |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 25    |                 | 1.385.723.642  | 521.946.473    |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br>$(20 - 21 + (21 - 22) + (24 + 25))$ | 30    |                 | 164.073.510    | 74.957.863     |
| 10. Thu nhập khác   | 31    |                 | -              | -              |
| 11. Chi phí khác  | 32    |                 | -              | 1.312.334      |
| 12. Lợi nhuận khác (30 + 31 + 32)   | 40    |                 | -              | (1.312.334)    |
| 13. Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế<br>$(30 + 30 + 40)$                      | 50    |                 | 164.073.510    | 74.957.863     |
| 14. Chi phí thuế TNDN kinh doanh  | 51    | 4.1.5           | 5.136.578      | 20.346.536     |
| 15. Chi phí thuế TNDN kinh doanh  | 52    |                 | -              | -              |
| 16. Lợi nhuận sau thuế kinh doanh<br>$(50 - 51 - 52)$                             | 60    |                 | 158.936.932    | 51.304.156     |



Mai Văn Thanh  
 Giám đốc  
 Nam Định, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Trần Thị Hằng Mai  
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG  
 Số 33 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
 Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 (Theo phương pháp ghi sổ)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B-03-DN  
 Đơn vị: VNĐ

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thay đổi<br>năm | Năm 2009        | Năm 2008        |
|--|-------|-----------------|-----------------|-----------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh   |       |                 |                 |                 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    |                 | 184.873.519     | 72.644.793      |
| 2. Phí chính của các khoản   |       |                 |                 |                 |
| - Khoản TSCB   | 02    |                 | 109.166.296     | 108.647.046     |
| - Lãi từ hoạt động tài trợ   | 03    |                 | -               | (7.162.942)     |
| - Chi phí tài trợ  | 04    |                 | 338.019.830     | 409.231.539     |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính trước đây<br>đã nộp thuế   | 05    |                 | 479.279.720     | 644.542.659     |
| - (Trang) giảm các khoản phải trả  | 06    |                 | (6.743.441.015) | 426.074.601     |
| - (Trang) giảm hàng tồn kho  | 10    |                 | 1.726.942.380   | (1.361.750.964) |
| - Tiền (đơn) các khoản phải trả (Không bao gồm<br>vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |                 | (3.062.461.009) | 418.313.624     |
| - (Trang) giảm chi phí trả trước   | 12    |                 | (103.479.700)   | 52.642.437      |
| - Tiền (đơn) vay đã trả  | 13    |                 | (340.125.200)   | (409.232.699)   |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 14    |                 | (3.633.105)     | (1.346.000)     |
| - Tiền thu được từ hoạt động kinh doanh  | 15    |                 | -               | 10.390.207      |
| Lưu chuyển tiền thuộc từ hoạt động kinh doanh  | 20    |                 | (7.794.935.999) | 792.621.649     |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư  |       |                 |                 |                 |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCB và các tài<br>sản dài hạn khác                                 | 21    |                 | (1.949.003.906) | (1.172.111.702) |
| Lưu chuyển tiền thuộc từ hoạt động đầu tư  | 20    |                 | (7.794.935.999) | (7.792.111.702) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính  |       |                 |                 |                 |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nghĩa vụ góp vốn<br>chủ sở hữu                                    | 31    |                 | 9.900.000.000   | -               |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33    |                 | 4.120.000.000   | 4.000.000.000   |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34    |                 | (4.741.532.349) | (2.750.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuộc từ hoạt động tài chính   | 49    |                 | 9.278.467.651   | 7.850.000.000   |
| Lưu chuyển tiền thô trong kỳ ( $= 20+30+49$ )  | 50    |                 | 14.625.476.254  | 879.621.947     |
| Tiền và hàng đương giá cho kỳ  | 64    |                 | 1.072.898.831   | 262.363.844     |
| Tiền và hàng đương giá cuối kỳ ( $= 50+64+61$ )  | 70    | 4.1             | 497.060.857     | 1.072.898.831   |



Mr. Vũ Thanh  
 Giám đốc  
 Nam Định, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Trần Thị Hồng Nhung  
 Kế toán trưởng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP HỆ THỐNG THIỀN TRƯỜNG

Lô 33 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định  
THƯƠNG MẠI VÀ CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính

Chia năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MÃ số 08-2009

Các thông tin minh bạch là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0600324004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Nam Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 04 năm 2010 trên cơ sở chuyển đổi tên gọi từ Công ty Cổ phần Thuận Hưng.

Công ty Cổ phần Thuận Hưng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003.

### Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Xây lắp đường dây và mạn biển áp điện 110KV; Sản xuất máy biến áp; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất, mua bán hàng hóa công nghệ: Mua bán vật tư, thiết bị ngành điện; Mua bán linh kiện điện, hàng nhôm, thép và kim loại; Mua bán các mặt hàng nông, cung, khai thác; Sản xuất, mua bán hàng may mặc công nghiệp xuất khẩu; Mua bán điện thoại các loại; Đại lý dịch vụ ban chinh viễn thông; Mua bán các thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành lọc, Vận tải hàng hoá và khách hàng theo hợp đồng; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh, mua bán khoáng sản, vật liệu xây dựng; Mua bán cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

### 2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính làm theo trình bày bằng tiếng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hợp đồng Kế toán Việt Nam và các quy định biện pháp khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính làm theo không nhằm mục đích tính kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh và thành hình lưu chuyển của và theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp thuận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức về kế toán áp dụng: Nhật ký chứng.

### 2.2 Ký kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHIẾN SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### 3.1 Chính sách kế toán áp dụng và thay đổi các chuẩn mực kế toán Việt Nam

Công ty áp dụng Chỉ đị Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chỉ đị Kế toán doanh nghiệp để tính bối chờ Báo cáo tài chính năm 2009.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng nội quy định của từng chuẩn mực, thống nhất, đầy đủ, thực hiện chuẩn mực và Chỉ đị kế toán hiện hành đang áp dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÉT BÌ VÀ XÂY LẮP SƯUN THIỀN TRƯỜNG

Lô 55 Đường NG, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thị trấn Nghi Phong, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An

Mã số thuế

01.011.000.000.000.000.000

## TRUYỀT MINH BẢO CÀO TÀI CHÍNH (phiên bản)

Các quy định nêu rõ là áp dụng cho thời gian và các hoạt động kinh doanh sau đây:

01/01/2009

01/01/2010

### 3.1. Überblick über uns

Về We Bảo cáo tài chính của chúng tôi theo các Điều lệ Kế toán Việt Nam, Nghị định Kế toán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu. Ban Giám đốc phải có những ưu tiên và giá trị kinh doanh của nó công ty, tài sản và việc minh bạch các khoản công nợ và tài sản tồn kho tại ngày We Bảo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (ký hợp đồng). Kết quả hoạt động kinh doanh theo số có thể khác với các số liệu, giá trị đã ra.

### 3.2. Tính và các khái niệm thương hiệu

Tính chất và các khái niệm thương hiệu của một doanh nghiệp, các khái niệm kinh doanh, kinh doanh, các khái niệm tài sản ngắn hạn hoặc các khái niệm tài sản dài hạn chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khái niệm này.

### 3.3. Các khái niệm tài sản và chi phí kinh doanh

Để phòng phải trả khi dài hạn được trích lập cho những khoản phải trả đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản trả mà người mua có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phải trả hay các khoản vay nợ.

### 3.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, đã có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán các thành phần trừ các chi phí để hoàn thành công chi phí tiếp theo, bao gồm cả phân phối phát sinh.

Để phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập. Để phòng giảm giá hàng tồn kho khi thất hổng, làm phai màu trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và điều kiện không đủ để hoàn thành công chi phí tiếp theo, bao gồm cả phân phối phát sinh.

### 3.5. Tài sản cố định hữu hình và khai thác

Tài sản cố định hữu hình được trích lập theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và vận chuyển.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm

|                     |        |
|---------------------|--------|
| Máy móc và thiết bị | 6 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 |

### 3.6. Tài sản cố định vô hình và khai thác

Tài sản cố định vô hình là phần mềm tài sản và các chi phí bỏ ra để có quyền sử dụng dài. Công ty thực hiện mua tài sản đối với phần mềm tài sản trong 3 năm và quyền sử dụng dài trong năm 10 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦ TÙNG VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 53 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Nhì  
Thị trấn Phù Ninh, Huyện Phù Ninh

Bản cáo thị chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MÃ TỜ 12-09-DNN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tập thể)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng thể.

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản đã dùng

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc của các kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí tài vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc thanh khoản báo cáo các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bao gồm cả khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi bất kỳ giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về sự cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm doanh thu.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận vào tài sản đầu tư, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và tài sản áp dụng.

#### 3.10 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được xác định một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm doanh thu dựa trên các Bảng báo nghiệm sau, quyết toán từng phần hoặc toàn bộ công trình.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được xác định một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thực hiện trả là không rõ ràng.

#### 3.11 Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công nợ, ứng cử được phân bổ ngày 30% giá trị vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi xuất hàng và phân bổ số giá trị còn lại khi có gilly báo động.

#### 3.12 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm doanh thu được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm doanh thu không được dùng để chia cho cổ đông.

#### 3.13 Chi phí dí vay

Chi phí dí vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất phương tiện sản xuất một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí dí vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TRUYỀN HÌNH VÀ XÂY LẮP BỘT TỰ ĐỘNG

Lô 39 Đường M2, Cụm Công nghiệp An Khê  
Thị trấn Núi Rode, Tỉnh Núi Rode.

Bite-Size Webinars

One step 100% done by this date 31/12/2009

TRUNG TÂM HỌC TẬP CHI NHÁNH (Hà Nội)

第11章 预测模型

Các Thành phần này là bộ phận làm nhiệm vụ của một số chức năng đặc biệt với các đặc điểm riêng.

### 3.14 One-level approach

Các khoản chi phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ xác định tại doanh nghiệp là một doanh nghiệp đã nộp ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản chi phòng được xác định trên cơ sở xác định của Ban Giám đốc về các khoản chi phí của thiết kế thành phần nghĩa vụ mà ngày làm việc năm đó bắt đầu.

305 True

Công ty trách nhiệm hữu hạn STT Tech Solutions, số 60 Khuất Duy Tiến

Third, the right deposit position will reduce losses after the price of about 2000 and take out established losses by

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thuế chịu thuế trong năm. Thuế chịu thuế khác với thuế thu nhập được định bởi nhà nước của Việt Nam hoạt động kinh doanh và không bao gồm các khoản thuế khác hay chi phí trả cho thuê được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm chi phí mua bán và thu hồi tài sản khác.

Vietnam Airlines shall not accept the Contract of carriage if the passenger fails to present his/her travel documents which are valid for the period of travel and the purpose of travel.

Thứ tư: Nhập họ tên, họ được khai trên các khai báo hành chính và ghi rõ họ tên của các khai báo này thi  
sinh hoặc công ty trên Bảng Căn cước hộ khẩu và có số thời gian sinh nhật của họ. Thứ năm: Nhập họ tên  
kết hôn theo phương pháp đưa trên Bảng Căn cước hộ khẩu. Thứ sáu: Nhập họ tên là phải trả phí được  
ghi nhận cho tất cả các khai báo hành chính qua thời gian thi sinh thi họ tên họ tên là chỉ được ghi nhận  
khi khai sinh và thi lý do lý do sinh thi thi trong trường thi để sử dụng các khai báo chính xác hơn thi  
đó là họ tên.

Thể chế nhập khẩu là được xác định như sau: xuất xứ từ một số áp dụng cho sản phẩm nhập khẩu hay nó phải trả được thành toán. Thể chế nhập khẩu là được xác định như sau: xuất xứ từ một số áp dụng cho sản phẩm nhập khẩu hay nó phải trả được thành toán. Thể chế nhập khẩu là được xác định như sau: xuất xứ từ một số áp dụng cho sản phẩm nhập khẩu hay nó phải trả được thành toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phần nộp và bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có địa điểm thành lập thuế thu nhập doanh nghiệp tại nước ngoài.

Theo biên bản xác nhận đăng ký doanh nghiệp số 071121000978 ngày 14 tháng 08 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình thì Công ty được thành lập 2 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong năm 2009 Công ty được mua lại. Thủ tục doanh nghiệp số 071121000978.

OpenStax College Physics Textbook

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIỀN TRƯỜNG  
 Số 33 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá  
 Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

**Báo cáo tài chính**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**  
**MÃ SỐ 09-DTCT**  
 Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÁM ĐỘI KẾ TOÁN, BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                    | 31/12/2009<br>VND  | 31/12/2008<br>VND    |
|--------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền mặt           | 211.195.623        | 10.928.971           |
| Tiền gửi Ngân hàng | 396.213.934        | 1.961.954.540        |
| <b>Cộng</b>        | <b>607.409.557</b> | <b>1.972.883.511</b> |

**4.2 Hàng tồn kho**

|                                      | 31/12/2009<br>VND     | 31/12/2008<br>VND     |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu                | 436.760.176           | 4.180.787.346         |
| Công cụ, dụng cụ                     | 388.396.689           | 119.946.689           |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh đã dùng | 2.295.493.312         | 3.319.349.142         |
| Hàng bán                             | 3.011.511.627         | 3.910.342.677         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>10.003.693.404</b> | <b>11.739.479.064</b> |

**4.3 Tài sản cố định trên đất**

|                               | Mã số, thời kỳ<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>đóng sẵn<br>quản lý<br>VND | Công<br>VND          |
|-------------------------------|-----------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| <b>NGUYỄN GIÁ</b>             |                       |                               |  |                      |
| Số dư tại 31/12/2008          | 1.426.600.000         | 614.758.727                   | 89.076.364                             | 1.500.434.991        |
| Tổng trong năm                | -                     | 861.045.339                   | -                                      | 861.045.339          |
| Hiệu hao trong năm            | 861.045.339           | -                             | 861.045.339                            | -                    |
| Số dư tại 31/12/2009          | <b>1.426.600.000</b>  | <b>1.475.803.966</b>          | <b>89.076.364</b>                      | <b>1.500.434.991</b> |
| <b>GIÁ TỐI HẠO MÔN LỐY KÉ</b> |                       |                               |  |                      |
| Số dư tại 31/12/2008          | 94.523.810            | 119.966.316                   | 9.363.359                              | 223.850.000          |
| Tổng trong năm                | 94.523.810            | 73.736.879                    | 14.310.000                             | 162.764.689          |
| Hiệu hao trong năm            | 94.523.810            | 73.736.879                    | 14.310.000                             | 162.764.689          |
| Số dư tại 31/12/2009          | <b>169.647.000</b>    | <b>133.497.163</b>            | <b>21.773.359</b>                      | <b>403.510.075</b>   |
| <b>GIÁ TRỊ CỐN LẠI</b>        |                       |                               |  |                      |
| Tại 31/12/2008                | 1.315.476.190         | 484.782.411                   | 48.813.604                             | 1.848.070.405        |
| Tại 31/12/2009                | <b>1.254.937.386</b>  | <b>1.382.186.770</b>          | <b>34.303.604</b>                      | <b>2.672.340.761</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP MẠNH THIÊN TRƯỜNG

Lô 35 Đường K2, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU 05-01-BNN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tỷ số)

Các Mô tả minh họa là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 4.4 Tài sản cố định và khấu

|                               | Quyền sử dụng đất<br>VND | Phí bảo trì tài sản<br>VND | Công<br>VND        |
|-------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------|
| <b>NCUYỄN GIA</b>             |                          |                            |                    |
| Số dư tại 31/12/2008          | 112.750.000              | 13.000.000                 | 125.750.000        |
| Số dư tại 31/12/2009          | <u>112.750.000</u>       | <u>13.000.000</u>          | <u>125.750.000</u> |
| <b>GIA TRỊ HAO HỘN LỐY KẾ</b> |                          |                            |                    |
| Số dư tại 31/12/2008          | 2.355.040                | 3.126.000                  | 5.381.040          |
| Tăng trong năm                | 2.355.040                | 4.166.667                  | 6.421.707          |
| Giảm hao trong năm            | <u>2.355.040</u>         | <u>4.166.667</u>           | <u>6.421.707</u>   |
| Số dư tại 31/12/2009          | <u>4.510.000</u>         | <u>3.125.000</u>           | <u>11.635.000</u>  |
| <b>GIA TRỊ CỒN LẠT</b>        |                          |                            |                    |
| Tqđ 31/12/2008                | 119.494.560              | 9.375.000                  | 119.871.560        |
| Tqđ 31/12/2009                | <u>106.241.520</u>       | <u>8.200.533</u>           | <u>113.450.553</u> |

## 4.5 Chi phí xây dựng cơ bản đã dùng:

|   | 31/12/2008<br>VND    | 31/12/2009<br>VND    |
|---|----------------------|----------------------|
| Công trình xây dựng nhà, hàng rào khu Công nghiệp | 3.129.494.104        | 1.101.533.432        |
| <b>Tổng</b>                                       | <b>3.129.494.104</b> | <b>1.101.533.432</b> |

## 4.6 Các khoản vay và nợ ngắn hạn

|               | 31/12/2008<br>VND | 31/12/2009<br>VND |
|---------------|-------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn  |                   |                   |
| Vay Ngân Hàng | 500.000.000       | 400.000.000       |

| Chỉ số/Đơn vị | 31/12/2008  | 31/12/2009  |
|---------------|-------------|-------------|
| Nợ vay        | 220.000.000 | 200.000.000 |

Hợp đồng vay số 480/2008/1386/HĐ, ngày 13/10/2008  
với số tiền 100.000.000 đồng. Khách vay với mục đích  
nhà ở và kinh doanh. Thời hạn vay là 06  
tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn trả lãi  
theo tháng bao gồm ngày hàng tháng thời kỳ. Tại thời  
diểm ký hợp đồng, lãi suất hợp đồng là 15% trước thuế trong  
hạn dùng áp dụng và lãi vay được thanh toán vào ngày  
20 hàng tháng. Bùn vay cao nhất là ngày  
13/01/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 51 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

THỦ TƯỚNG HỘNG KHỐI CẢO TẤT CHÍNH (djęp theo)

Các Thay đổi mới là bộ phận hợp thành và cần được áp dụng đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Báo cáo tài chính

Chia năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MÃ U S 09-DNN

Các khoản vay và nợ ngắn hạn (djęp theo)

|  | 31/12/2009<br>VND | 31/12/2008<br>VND |
|--|-------------------|-------------------|
|--|-------------------|-------------------|

Vay ngắn hạn

Hợp đồng vay số 480/2009/13/B/14/16/74/HĐ, ngày 16/10/2009 với số tiền 100.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích trả tiền mua vật tư díy cắp đặt, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày bùn vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất được áp dụng lài suất thi cuối 3 tháng điều chỉnh 1 lần theo tháng bao lìai suất ngắn hàng tháng thời kỳ. Tại thời điểm ký hợp đồng áp dụng lài suất 17,10%/năm, lài suất quá hạn là 150% mức lài suất trong hợp đồng. Áp dụng và lài vay được thanh toán vào ngày 20 hàng tháng. Bùn vay cam kết trả nợ ngày 16/04/2010.

Hợp đồng vay số 480/2009/14/45/074, ngày 19/09/2009 với số tiền 200.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích trả tiền mua vật tư thi công công trình, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày bùn vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất được áp dụng lài suất thi cuối 3 tháng điều chỉnh 1 lần theo tháng bao lìai suất ngắn hàng tháng thời kỳ. Tại thời điểm ký hợp đồng áp dụng lài suất 20%/năm, lài suất quá hạn là 150% mức lài suất trong hợp đồng áp dụng và lài vay được thanh toán vào ngày 20 hàng tháng. Bùn vay cam kết trả nợ ngày 19/03/2010.

Hợp đồng vay số 03/2009/HĐ/03/14/45/074, ngày 23/09/2009 với số tiền 220.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích trả tiền mua vật thi công công trình, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày bùn vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất được áp dụng lài suất 10,5%/năm và áp dụng lài suất thi cuối và điều chỉnh sau 3 tháng q lài theo tháng bao lìai suất của Ngân hàng trong tháng thời kỳ, lài suất quá hạn là 100% lài suất vay trong hạn và lài vay được thanh toán vào ngày 20 hàng tháng. Bùn vay cam kết trả nợ ngày 23/03/2010.

Các khoản Nguồn hàng Nợ ngắn hạn và Phí trả lãi

những thời điểm Nam

Hợp đồng vay số 13/01/LA/2009/038, ngày 17/06/2009 với mức độ nợ cao nhất 500.000.000 đồng. Giảm nhẹ, ngày 11/11/2009 với số tiền 240.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích thanh toán tiền mua nhôm theo HĐKT số 21/TH/ĐKT-T/TT ngày 23/06/2009, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày bùn vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất được áp dụng lài suất 10,5%/năm và lài suất cơ bản tăng theo lài suất cho vay cộng thêm điều chỉnh hàng tháng trong tháng. Mức lãi suất là 150%. Lài suất vay trong hạn và lài vay trả công với kỳ hạn từ 01 đến 06 tháng, có thể trả dần hàng tháng. Bùn vay cam kết trả nợ ngày 29/04/2010.

Vay trả chậm

Chêng

|                      |                      |
|----------------------|----------------------|
| 2.700.000.000        | 1.150.000.000        |
| <b>2.720.000.000</b> | <b>4.300.000.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIỀN TRƯỜNG**

Lô 18 Đường K2, Cụm Công nghiệp Ánh Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ: B-60-BNN

**THUỶ TUYẾT MỚI, BẢO CHỐNG TÀI CHÍNH (tập trung)**  
Các Thay đổi mới này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kinh doanh

**4.7 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | 31/12/2009<br>VND    | 31/12/2008<br>VND  |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 591.346.473          | 732.124.223        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 20.000.000           | 18.874.530         |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.611.446.463</b> | <b>750.998.740</b> |

**4.8 Các khoản vay và nợ dài hạn**

|   | 31/12/2009<br>VND  | 31/12/2008<br>VND |
|---|--------------------|-------------------|
| Vay dài hạn   |                    |                   |
| Chính sách Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành Nam  | 300.000.000        | -                 |
| Hợp đồng tín dụng số 13021.AV200900 ngày 17/04/2009 với mức độ nợ cao nhất là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay vốn là 40 tháng. Giấy máng nợ lần 1 ngày 21/07/2009 mức độ nợ 800.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích thanh toán tiền đầu tư công công trình nhà điều hành 2 tầng và 3 tầng. Lãi suất tiền vay là 10,7%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn. Khi mức độ biến động lãi suất cho vay công được điều chỉnh tăng trong hạn. | 300.000.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>   | <b>300.000.000</b> | <b>-</b>          |

TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIỀN TRƯỜNG**  
 Số 13 Đường K2, Cụm Công nghiệp An Xá  
 Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

**Báo cáo tài chính**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**  
**TWUYẾT MINH, BẢO CÁO TÀI CHÍNH (sắp xếp)**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4.9 VĨA CHÉP SỐ LƯU**

**4.9.1 Biểu đồ biến động vốn chủ sở hữu**

|                      | Vốn đầu tư vào<br>chủ sở hữu<br>VNĐ | Lợi nhuận sau<br>thuế chênh<br>phái phát<br>VNĐ | Công<br>VNĐ    |
|----------------------|-------------------------------------|---|----------------|
| Số dư tại 31/12/2007 | 2.198.000.000                       | 11.459.835                                      | 2.198.149.835  |
| Tổng trong kỳ        | -                                   | 52.304.194                                      | 52.304.194     |
| Lãi                  | -                                   | 52.304.194                                      | 52.304.194     |
| Số dư tại 31/12/2009 | 2.198.000.000                       | 63.763.331                                      | 2.198.763.331  |
| Số dư tại 31/12/2008 | 2.198.000.000                       | 63.763.331                                      | 2.198.763.331  |
| Tổng trong kỳ        | 9.900.000.000                       | 158.936.932                                     | 10.058.936.932 |
| Tổng vốn             | 9.900.000.000                       | -   | 9.900.000.000  |
| Lãi                  | -                                   | 158.936.932                                     | 158.936.932    |
| Số dư tại 31/12/2009 | 11.808.000.000                      | 232.790.163                                     | 12.232.790.163 |

**4.9.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu**

| Chi tiết                       | 31/12/2008<br>VNĐ | Tổng trong<br>năm<br>VNĐ | Gross<br>trong năm<br>VNĐ | 31/12/2009<br>VNĐ |
|--------------------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|
| I. Nguồn vốn kinh doanh        | 2.198.000.000     | 9.900.000.000            | -                         | 12.232.790.163    |
| I.1 Vốn điều lệ                | 2.198.000.000     | 9.900.000.000            | -                         | 12.232.790.163    |
| Hỗn Hợp Tính                   | 300.000.000       | 4.204.000.000            | -                         | 1.604.000.000     |
| Mai Vũ Trạch                   | 650.000.000       | 2.541.000.000            | -                         | 3.498.000.000     |
| Võ Quốc Trí                    | 650.000.000       | 2.541.000.000            | -                         | 3.498.000.000     |
| I.II Lợi nhuận chênh phái phát | 63.763.331        | 158.936.932              | -                         | 232.790.163       |
| Chung                          | 2.198.763.331     | 10.058.936.932           | -                         | 12.232.790.163    |

**4.10 Phân phối lợi nhuận**

|   | Năm 2009<br>VNĐ | Năm 2008<br>VNĐ |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận chênh phái phát năm trước chuyển sang | 63.763.331      | 11.459.835      |
| Tổng lợi nhuận trước thuế phải trả trong năm    | 164.073.310     | 72.644.716      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp             | 5.136.578       | 20.340.530      |
| Lợi nhuận sau thuế                              | 158.936.932     | 52.304.194      |
| Lợi nhuận chênh phái phát                       | 232.790.163     | 63.763.331      |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP DỊCH THIỀN TRƯỜNG

Lô 13 Đường Số, Cụm Công nghiệp An Xá  
Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THỦY SẢN, BAO GỒM TÀI CHÍNH (dây chuyền)  
Các Mục đính nêu rõ là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính theo sau:

MSTC 03-08-DNN

4.1.1 Doanh thu bán hàng

|                              | Năm 2009<br>VND       | Năm 2008<br>VND       |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu công trình xây lắp | 29.746.367.672        | 21.348.400.240        |
| Doanh thu bán hàng hóa       | 1.310.789.308         | 1.116.643.060         |
| <b>Công</b>                  | <b>31.057.156.980</b> | <b>22.465.043.300</b> |

4.1.2 Giá vốn hàng bán

|                            | Năm 2009<br>VND       | Năm 2008<br>VND       |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn công trình xây lắp | 27.677.456.153        | 20.177.300.000        |
| Giá vốn hàng hóa bán ra    | 1.139.331.292         | 1.174.613.000         |
| <b>Công</b>                | <b>28.816.787.445</b> | <b>21.351.913.000</b> |

4.1.3 Doanh thu hoạt động tài chính

|                                    | Năm 2009<br>VND   | Năm 2008<br>VND  |
|------------------------------------|-------------------|------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay         | 14.833.419        | 7.982.942        |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 14.160.899        | -                |
| <b>Công</b>                        | <b>28.994.318</b> | <b>7.982.942</b> |

4.1.4 Chi phí hoạt động tài chính

|                                  | Năm 2009<br>VND    | Năm 2008<br>VND    |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi tiền vay             | 538.019.826        | 409.232.899        |
| Chi phí hoạt động tài chính khác | 21.354.901         | 16.437.567         |
| <b>Công</b>                      | <b>559.374.727</b> | <b>425.670.466</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP MẠNH THIÊN TRƯỜNG  
 Số 15 Đường H2, Cụm Công nghiệp An Khê  
 Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
 THUỶ SẢN HÀO CÁO TÀI CHÍNH (phi số)  
 Mã số: B-09-DH/N  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kinh doanh

4.13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

|  | Năm 2009<br>VND  | Năm 2008<br>VND   |
|--|------------------|-------------------|
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại: |                  |                   |
| Lợi nhuận trước thuế   | 164.073.510      | 72.644.716        |
| Điều chỉnh cho chi phí thuế thu                                    | -                | -                 |
| Công: Các khoản chi phí không được khấu trừ                        | -                | 5.448.354         |
| Taxes nhận trước   | 164.073.510      | 78.090.000        |
| Thác suất áp dụng  | 25%              | 25%               |
| Thứ chi phí doanh nghiệp theo thuế suất phổ biến                   | 41.018.378       | 19.545.000        |
| Thứ chi phí doanh nghiệp được giảm (*)                             | 35.000.000       | 1.525.579         |
| <b>Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                        | <b>5.136.572</b> | <b>34.340.520</b> |

(\*) Theo Thông tư số 03/2008/TT-DTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an ninh xã hội, Công ty đáp ứng một trong hai điều kiện được xem xét giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý IV/2008 và năm 2009.

Theo biển báo xác nhận đăng ký kinh doanh số 07121000076 ngày 14 tháng 06 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định thì Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ ngày áp dụng hoàn thành dự án cho hoạt động. Trong năm 2009 Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ tháng 11.

4.14 Các khoản vay nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản vay nợ tiềm tàng nào khác rủi ro điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

4.15 Sự kiện sau ngày kết thúc năm kế toán

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần, số 0600324084 ngày 22 tháng 04 năm 2010 thì Công ty chuyển đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây Lắp Điện Thiên Trường. Đồng thời Công ty thay đổi tên giao dịch là: Điện Thiên Trường.

4.16 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.



Mai Văn Thanh  
 Giám đốc  
 Kế toán, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Trần Thị Hồng Nhung  
 Kế toán trưởng